

QUAN NIỆM VỀ CON NGƯỜI VÀ LỊCH SỬ CỦA C.MÁC TỪ GÓC NHÌN CỦA CÁC HỌC GIẢ NGOÀI MÁC XÍT

★ ThS TRẦN NHẬT MINH

Học viện Chính trị khu vực II

● **Tóm tắt:** Để có cách nhìn khách quan, toàn diện về di sản triết học của C.Mác, ngoài cách tiếp cận mácxít, cần khảo cứu một số cách tiếp cận của một số nhà Mác học phương Tây (ngoài mácxít) một cách khách quan, toàn diện, hệ thống. Đây là những cứ liệu vừa góp phần nhận thức đúng di sản triết học Mác trong thời đại ngày nay, vừa góp phần bảo vệ nền tảng triết học của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay. Bài viết góp phần tìm hiểu di sản triết học của Mác qua nghiên cứu một số cách tiếp cận ngoài mácxít xoay quanh những tranh luận về vấn đề con người và lịch sử.

● **Từ khóa:** C.Mác; triết học Mác; con người; lịch sử.

1. Đặt vấn đề

Triết học mácxít ra đời xác lập cách tiếp cận khoa học, toàn diện, hệ thống trong nghiên cứu về con người và lịch sử. Gần hai thế kỷ tồn tại, di sản triết học của C.Mác vẫn còn sức sống mãnh liệt. Những cống hiến của C.Mác trong nghiên cứu con người và lịch sử vẫn là chủ đề tranh luận sôi nổi của các nhà nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở phương Tây. Tôn vinh, “trung lập hóa”, phủ nhận di sản triết học của C.Mác trong các nghiên cứu phương Tây phản ánh cách tiếp cận đa dạng, phức tạp của cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay.

2. Cách tiếp cận và tranh luận ngoài mácxít về quan điểm của C.Mác về con người và lịch sử

2.1 Con người hiện thực - “linh hồn sống” của chủ nghĩa nhân văn mácxít và những tranh luận về tính nhân văn trong triết học của Mác

Thứ nhất, con người hiện thực - điểm xuất phát, mục đích của chủ nghĩa nhân văn mácxít.

C.Mác, trong hành trình tư tưởng của mình lấy con người làm điểm xuất phát, trung tâm lý luận, phân tích thân phận con người và đề xuất phương án giải phóng con người như một mệnh lệnh của lịch sử. *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, tác phẩm với những phân tích duy vật biện chứng một cách hệ thống về vấn đề con người, lịch sử. Đây là bản thảo của bộ *Tư Bản* - công trình được Robert B.Down (1903-1991) đánh giá là một trong “những tác phẩm làm thay đổi thế giới”. *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844* mang nội dung kinh tế - triết học sâu sắc, là tuyên bố đầu tiên về sự ra đời “chủ nghĩa nhân đạo hoàn bị”¹. C.Mác đã đi từ con người hiện thực, tức là con người cụ thể, đang sống và hoạt động theo mục đích của họ trong những giai đoạn nhất định của lịch sử.

Từ những phạm trù tiền công, lợi nhuận của tư bản, địa tô, ông đã trình bày có hệ thống phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, chỉ ra sự tha hóa (đánh mất mình) của con người trong thế giới vật phẩm mà họ sản xuất ra, và hệ quả tất yếu của nó là sự tha hóa quan hệ xã hội, sự tha hóa bản chất của con người. Mác đồng thời, chỉ ra nguyên nhân, sự cần thiết khắc phục tha hóa bằng “hình thức *chính trị* của *sự giải phóng công nhân*”² như mệnh lệnh của lịch sử.

Cội nguồn của những tranh luận về vấn đề con người trong di sản của C.Mác bắt đầu từ thế kỷ XIX với sự xuất hiện của quá trình phi cổ điển hóa tư tưởng châu Âu từ Schopenhauer (1788-1860) trong tác phẩm *Thế giới như là ý chí và biểu tượng*, đến Kierkegaard (1813-1855), Nietzsche (1844-1900), Weber (1864-1920),... “Bước ngoặt nhân học” được trường phái Frankfurt³ khởi xướng đã đẩy lên những tham chiếu mới về vấn đề con người trong triết học của C.Mác. *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844* được các nhà tư tưởng của trường phái này hoan nghênh ở khía cạnh nó đã luận giải khuyết tật, hệ lụy tất yếu của chủ nghĩa tư bản từ sự tha hóa. C.Mác đã tìm kiếm ở con người “bản chất thật”, luận bàn hạnh phúc của con người ở *nơi con người* với tất yếu xóa bỏ tha hóa trong lao động.

Thứ hai, “Mác trẻ” nhân văn - hình ảnh đối lập về tư tưởng với “Mác già”?

Marcuse (1898-1979), Fromm (1900-1980),... cho rằng, những kiến giải về con người trong *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844* là

đỉnh cao của tư tưởng “nhân văn” của C.Mác “thời trẻ”, ưu điểm lớn nhất là con người được xem xét dưới góc độ cá thể, cá nhân, con người phi chính trị chứ không là đại diện cho bất kỳ một giai cấp nào. C.Mác đã kế thừa tư tưởng về con người của Feuerbach (1804-1872) với tư cách là “thực thể có tính loài”. Theo Marcuse, *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844* là cách tiếp cận mới của chủ nghĩa xã hội khoa học về con người. Song, những bình luận tích cực về C.Mác “thời trẻ” không thể ngăn trở trường phái Frankfurt tỏ ra không hài lòng về “C.Mác già” chỉ quan tâm đến vấn đề chính trị, - hai trắc diện đối lập về tư tưởng.

Vadée (1934-2014), nhà Mác học người Pháp, không đồng tình với sự tách biệt trên, bởi đó là nhận xét có phần khiên cưỡng. “Nếu chủ nghĩa duy vật lịch sử thật sự là một phát hiện tiến bộ của Mác và Ăngghen... thì tư tưởng về tự do như sự giải phóng khỏi mọi tha hóa và sự hoàn thiện bản thân, là một hằng số lớn, một tư tưởng cơ bản của toàn bộ tác phẩm của Mác, và điều đó có từ những năm đầu tiên của thời thanh niên”⁴. Vadée nhấn tính xuyên suốt của tư tưởng, mà *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844* chỉ là khởi đầu, nghĩa là chủ nghĩa nhân văn là dòng chảy liên tục trong triết học Mác. Một ranh giới tuyệt đối về tư tưởng của “Mác thanh xuân” và “Mác không thanh xuân” là điều chưa đạt lý. Tư tưởng là sản phẩm của quá trình nhận thức hiện thực và bản thân con người, với quá trình trải nghiệm và tích lũy không ngừng. Nếu xét ở bình diện tư duy lý luận, thì suy đến cùng tư duy lý

C.Mác, trong hành trình tư tưởng của mình lấy con người làm điểm xuất phát, trung tâm lý luận, phân tích thân phận con người và đề xuất phương án giải phóng con người như một mệnh lệnh của lịch sử. Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844, tác phẩm với những phân tích duy vật biện chứng một cách hệ thống về vấn đề con người, lịch sử.

luận của Mác sinh ra từ tồn tại xã hội, bị quy định bởi những điều kiện kinh tế - xã hội thời bấy giờ. Do đó, tồn tại xã hội thay đổi thì lý luận của Mác được gọt giũa nếu không phải là giáo điều, chết cứng, là Thánh kinh của mọi thời đại. Trong hành trình tư tưởng của Mác, con người là bản vị, chủ nghĩa nhân văn là dòng chảy xuyên suốt.

Mặt khác, những ý kiến phê bình Mác đã cắt đứt sợi dây liên kết về mặt tư tưởng của Mác với tư cách là một học thuyết toàn diện, hệ thống được xây dựng trên thế giới quan duy vật biện chứng. Họ chưa thấy được hoặc chưa thừa nhận logic tư tưởng của Mác: Logic tham chiếu con người vừa là điểm xuất phát, vừa là trung tâm, vừa là mục đích cuối cùng của học thuyết Mác. Dù vô tình hay cố ý, kiến giải trên phản ánh sự “trung lập hóa”, chưa thật toàn diện khi xem xét tư tưởng của Mác về con người. Đồng thời, chưa nhận thức đúng vấn đề chính trị trong học thuyết Mác là một mắc khâu quan trọng, được thể hiện trong toàn hệ thống ấy như là *phương tiện* giải phóng hoàn toàn con người, *phương tiện* phục sinh con người.

Thứ ba, “chiết trung hóa” Mác - phương án “bổ sung” quan điểm mácxít về con người bằng chủ nghĩa Freud và chủ nghĩa hiện sinh.

Chủ nghĩa Mác - Freud (Freudo - Marxism) đặt ra yêu cầu bổ sung quan điểm của Mác về con người với phương án “Freud hóa Mác”. Horkheimer (1895-1973), Fromm (1900-1980), Reich (1897-1957), Marcuse (1898-1979) có tham vọng đi tìm chất liệu mới cho chủ nghĩa Mác qua việc kết hợp với lý luận vô thức của Freud. Reich cho rằng, triết học Mác và phân tâm học có thể bổ sung cho nhau như kết hợp lý luận “cách mạng xã hội” và lý luận “cách mạng tình dục” với tư cách là cuộc cách mạng giải phóng hoàn toàn con người ở tầm vĩ mô và vi mô. Đồng tình với Reich, Marcuse cho rằng:

“bản chất của con người là ham muốn tình dục”, “ý chí lạc thú” như là hiện thân mãnh liệt của sự ham muốn tình dục. Kiến giải của C.Mác về cuộc cách mạng trên quy mô toàn xã hội không thể giải phóng triệt để con người nếu không kết hợp “giải phóng tình dục”, mà hạt nhân của nó là “giải phóng lao động”, tức “tình dục hóa” hoạt động lao động⁵. Hai đại biểu đã nhấn mạnh đến đời sống tình dục của cá nhân, tức nhấn mạnh mặt tự nhiên, bản năng như là yếu tố chi phối con người. “Con người thực hiện những hoạt động đó vì con người cũng là thực thể tự nhiên, song, nếu coi nó là bản chất, sự quy định bản chất của con người lại rơi vào chủ nghĩa tự nhiên thô thiển, kết quả tất yếu là dẫn đến duy tâm về mặt xã hội, do đó nó cũng là chỉ dẫn chưa thật sự hợp lý”⁶.

Quan hệ tính dục biểu hiện dưới hình thức cảm tính, phản ánh sự giao tiếp hiện thực giữa con người với tự nhiên thông qua quan hệ giữa con người với con người, và quan hệ giữa con người với con người như là một quan hệ tự nhiên, vừa bộc lộ hành vi có tính tự nhiên vừa là hành vi trong tập hợp thuộc tính bản chất người. Tính chất của quan hệ này là một trong căn cứ xét đoán trình độ văn hóa chung của con người. Sự phát triển quan hệ này đánh dấu sự tiến bộ của nhân loại, cũng như mức độ trở thành người của con người. Cuộc “cách mạng tình dục” theo nhận định của một số học giả phái Frankfurt có phần khiên cưỡng. Bản năng tính dục cũng chỉ là một bộ phận cấu thành mặt tự nhiên của con người, đến lượt mình mặt tự nhiên cũng chỉ là tiền đề cho hành vi xã hội, bản chất người của con người. Bản năng xã hội là “một trong những đòn bẩy quan trọng nhất để con người phát triển từ loài khỉ”⁷. Đề cao quá mức, “chính trị hóa” hành vi tính dục là phương án có tính hạn chế về quy mô, mức độ hiệu quả.

Chủ nghĩa Mác hiện sinh (Existential Marxism) đề cập việc bổ sung hình ảnh con người hiện sinh như ý tưởng hoàn hảo về việc hoàn thiện quan điểm của C.Mác về con người. Họ cho rằng, C.Mác đã nhìn thấy con người xã hội và công việc hiện nay là góp vào di sản triết học C.Mác hình ảnh con người - cá nhân, phương án mang tính “nhân bản hóa”. Merleau-Ponty (1908-1961) là đại biểu tiêu biểu cho tham vọng trên. Ông kế thừa tư tưởng của Sartre (1905-1980), người đề xuất ý tưởng về sự kết hợp này với tư tưởng cơ bản là sự “hiện hữu” của con người, xuất phát từ “tính chủ thể” - “hiện hữu đi trước bản chất”⁸. Đề cao chủ thể tính là đề cao tự do, nhưng không phải tự do của xã hội mà là tự do tự tại trong quan hệ với chính mình nhằm “đạt đến chỗ trung thực nhất của cá nhân”, đây là cơ sở để Merleau-Ponty “hiện sinh hóa” Mác. Bản chất con người là tự do, tự do trong sinh hoạt xã hội hiện thực, và tự do của mỗi con người cá nhân bao giờ cũng hiện diện trong quan hệ với tự do của cá nhân khác, hay mở rộng ra là xã hội mà ở đó sự tự do của mỗi người là điều kiện cho sự tự do của tất cả mọi người. Những nỗ lực bổ sung, làm mới tư tưởng về con người của C.Mác đã thể hiện những khía cạnh khác nhau về con người mà ông ít nghiên cứu hoặc chưa có điều kiện nghiên cứu - những đóng góp đáng được tôn vinh. Song, để kết dính nó như bộ phận của hữu cơ của triết học Mác có phần khiên cưỡng nếu như không nói là chiết trung hóa di sản triết học Mác về con người.

2.2 “Cách viết mới về lịch sử” của Mác và những tranh luận về cách tiếp cận lịch sử từ góc độ hình thái kinh tế - xã hội

Một là, “cách viết mới về lịch sử” của Mác và những đánh giá tích cực về dự báo tương lai của ông qua cách tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội

Khi bàn về lịch sử, C.Mác đã luận giải cho hai vấn đề căn bản nhất là nguồn gốc và quy luật của lịch sử. Lịch sử bắt đầu từ nền *sản xuất vật chất*, đó là “sự sáng tạo con người kinh qua lao động”⁹, và lịch sử toàn thế giới bị chi phối bởi các *quy luật khách quan* qua sự phát triển lịch sử - tự nhiên của những hình thái kinh tế - xã hội¹⁰. *Hệ tư tưởng Đức* (1845-1846), công trình mà C.Mác và Ph.Ăngghen cùng chấp bút, phản ánh một bước tiến cách mạng trong nghiên cứu lịch sử. Theo Bensaid (1946-2010), nhà Mác học người Pháp thì những tính quy luật của lịch sử mà C.Mác đề cập đã khắc phục quan niệm duy tâm khi biến lịch sử thành ý niệm, tinh thần thế giới và quan niệm siêu hình khi xem xét lịch sử như những mảnh ghép rời rạc, thiếu liên kết. C.Mác đã “đem lại cách viết mới về lịch sử”, khi “xem xét lịch sử một cách nghiêm túc, không còn với tính cách là sự trừu tượng hóa tôn giáo, trong đó, những cá nhân sống là sinh vật thấp hèn, mà với tính cách là sự phát triển hiện thực của những quan hệ xung đột nhau”¹¹.

Vadée, đánh giá cao quy luật lịch sử của C.Mác. “Công lao của Mác... là ông đã tiến hành khảo sát tất cả các quy luật mà người đi trước đã đưa ra trong kinh tế chính trị học... một cách chi tiết và sáng suốt. Nhất là việc giải thích và trình bày tất cả các quy luật này trong khuôn khổ một hệ thống lý luận và sự phê phán rộng lớn mà cho đến tận ngày nay vẫn còn ghi dấu ấn lịch sử”¹². C.Mác thấy logic của lịch sử gắn bó với logic của tư duy và thực tiễn con người. Lịch sử xã hội được nhận thức như quy luật tự nhiên. *Tư bản* là công trình nghiên cứu có phần biện truyền thống. Bell (1919-2011) thể hiện sự bất đồng với dự báo của Mác về khả năng xuất hiện xã hội cộng sản trong tác phẩm *Sự xuất hiện của xã hội hậu công nghiệp: Sự mạo hiểm*

trong dự báo xã hội năm 1973. Đó là cách nhìn thiếu toàn diện trong cách tiếp cận về lịch sử của C.Mác, phủ nhận sạch trơn những đóng góp triết học của ông. Vadée không đồng tình với Bell, vì “Mác là nhà tư tưởng của cái có thể cũng như là nhà tư tưởng của cái tất yếu. Đối với ông, tính tất yếu của cái sắp tới, ngay cả tức thời, cuộc cách mạng xã hội có lẽ sẽ là cuộc cách mạng lịch sử lớn cuối cùng - cùng với khả năng của nó chỉ là một... Tư tưởng của Mác về tính tất yếu lịch sử, đồng thời cũng là một tư tưởng về khả năng lịch sử”¹³. Nhận xét của Vadée thống nhất với Eagleton - nhà lý luận người Anh sinh năm 1943. Eagleton cho rằng: “Mác là người đầu tiên xác định được bản chất của đối tượng lịch sử là chủ nghĩa tư bản - nguồn gốc, quy luật hoạt động và cái kết của nó. Cũng giống như Newton phát hiện ra những sức mạnh vô hình là trọng lực, Freud đã phơi bày hoạt động của hiện tượng vô hình gọi là vô thức, Mác đã vạch trần đời sống hằng ngày của con người để làm sáng rõ một thực thể vô hình gọi là phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa”¹⁴. C.Mác đã nhận thức lịch sử từ nguồn gốc, bản chất, quy luật vận hành của nó như hiện thực khách quan kinh qua thực tiễn của con người.

Hai là, “sự tận cùng của lịch sử?” - nền dân chủ tư sản và ý tưởng của Fukuyama về sự cáo chung của lịch sử

“Sự tận cùng của lịch sử”¹⁵ là ý tưởng của Fukuyama - giáo sư người Mỹ sinh năm 1952. Ý tưởng này phản ánh nhận thức của Fukuyama về cái chết, tang lễ của Liên xô. Đó “không chỉ... là sự qua đi của giai đoạn lịch sử sau chiến tranh lạnh, mà còn là sự tận cùng của lịch sử: Đó là điểm tận cùng của sự tiến hóa tư tưởng nhân loại và sự phổ biến nền dân chủ tự do kiểu phương Tây với tư cách là nhà nước cuối cùng của nhân loại”¹⁶. Hệ lụy của mô hình tổ chức

quản lý kiểu xô viết phản ánh thất bại trong quản trị xã hội, phát triển con người. Hạn chế của nhà nước xô viết là sự xa rời của mô hình V.I.Lênin, hình thức phát triển khác của chủ nghĩa cực quyền. Trong bài “*Những vấn đề cấp bách trong hệ thống chính trị của chủ nghĩa xã hội*”, A.P.Butenko cho rằng: “Chủ nghĩa xã hội loại trừ sở hữu cá nhân, - và đồng thời cũng loại trừ nốt cơ sở khách quan của dân chủ. Toan tính rằng sau khi thủ tiêu tư hữu và khẳng định sự thống trị tuyệt đối của sở hữu nhà nước hay sở hữu tập thể - nhà nước, nghĩa là sở hữu xã hội, sẽ lưu giữ những nguyên tắc và chuẩn mực của dân chủ trong chế độ tư bản, với việc bổ sung cho nó nội dung xã hội chủ nghĩa là một toan tính không tương”¹⁷. Cái chết của chủ nghĩa xã hội xô viết phản ánh những hạn chế của một mô hình quản trị xã hội, vừa là chất liệu phê phán của các nhà tư tưởng để phản đối sự tồn tại của di sản C.Mác trong hiện nay.

Sự đoạn tuyệt hoàn toàn với di sản Mác là siêu hình, hờ hững, thiếu trách nhiệm. Derrida (1930-2004), yêu cầu cần có sự tranh luận nghiêm túc về “sự cáo chung của lịch sử”, về “sự cáo chung của chủ nghĩa Mác”¹⁸. *Những bóng ma của Mác*, tác phẩm được Derrida viết sau khi Liên xô sụp đổ thể hiện sự ghi nhận, đánh giá cao dự báo mácxít về xã hội tương lai. Fukuyama về điểm dừng cuối cùng của lịch sử ở nền dân chủ tư sản “niềm say sưa quá trớn của chủ nghĩa tư bản dân chủ tự do hay dân chủ xã hội, giống như một ảo giác mù quáng nhất và hôn mê nhất, thậm chí giống như một sự giả nhân giả nghĩa ngày càng lộ liễu trong cái lời lẽ hình thức và pháp lý của nó về quyền con người”¹⁹. Trật tự thế giới hiện đại dưới sự điều hành của chủ nghĩa tư bản đang phải chịu đựng những cơn đau của lịch sử. “Trật tự thế giới mới” đang “xộc xệch” với 10 “vết loét”, “vết

thương, lời điều” của nó, và khả năng về “những cơn sóng gió chính trị - xã hội” của nó²⁰. Derrida cho rằng, sự “tàn tạ”, “ôm yếu” của thế giới hiện nay là một hiện thực. Hiện thực này “chẳng được để ý tới nữa”²¹. Sự cáo chung của lịch sử mang nặng tính phê bình ý thức hệ hơn là những sự giải thích khách quan về hiện thực xã hội. Thật vậy, những âm binh mà chủ nghĩa tư bản triệu lên mà ngày nay, trong một “hoàn cảnh hậu hiện đại” (Jean-François Lyotard; 1924-1998) chính bản thân chủ nghĩa tư bản cũng không thể khống chế được.

Sự sụp đổ của Liên Xô là cái chết của một mô hình đã chết: bóng ma - hiện thực - bóng ma. Cái chết của mô hình ấy là “bóng ma của C.Mác phục sinh” phủ định “hiện thực xô viết” - sự trở về với bóng ma mà C.Mác và Ph.Ăngghen đã đề cập trong *Tuyên ngôn của đảng cộng sản* năm 1848. Bóng ma của Liên xô, theo Derrida là đánh dấu “sự trở lại của một người đã chết, một sự tái hiện ma quái mà việc tang lễ của thế giới đã không thể nào vứt bỏ nổi”²². Derrida lên án hành động “đóng vai Mác để chống chủ nghĩa Mác” như là “bóp nghẹt mệnh lệnh chính trị”, “vô hiệu hóa một sức mạnh tiềm tàng” của chủ nghĩa Mác với tư cách là “giải thoát và cứu thế”, “một kinh nghiệm mở cửa cho tương lai tuyệt đối của cái đang đến”; những sai lầm, hạn chế trong vận dụng chủ nghĩa Mác khiến giá trị của tư tưởng C.Mác “chịu đựng những cơn đau của lịch sử”²³. Cơn đau ấy của lịch sử càng làm cho “di sản của Mác hồi sinh” và khẳng định giá trị thời đại trong “trật tự thế giới mới”. Di sản của C.Mác sẽ trở lại sau những biến cố của lịch sử. Sự trở lại của C.Mác là sự trở lại của một triết gia vĩ đại trong những triết gia vĩ đại. Derrida cho rằng: “Mác dù sao cũng là một triết gia..., một triết gia vĩ đại... Trở lại Mác, cuối cùng chúng

ta hãy đọc ông như đọc một triết gia vĩ đại”²⁴. Cái chết của Liên xô là cái chết của một mô hình - một sự vận dụng chủ nghĩa Mác chứ không phải là cái chết của C.Mác với tư cách là một di sản tư tưởng “phù hợp với khái niệm di sản nói chung”. Vì vậy, vận dụng, phát triển di sản C.Mác trong thời đại ngày nay là một tất yếu khách quan. “Vận dụng nó (chủ nghĩa Mác) vào những điều kiện mới, thì sự phê phán mácxít còn phong phú” đó “vẫn là cấp bách và vô cùng cần thiết”²⁵. Học thuyết Mác là học thuyết mở, không ngừng được kế thừa, phát triển và chúng ta (không chỉ những người cộng sản) “cần phải thừa kế di sản của Mác”²⁶.

Ba là, thuyết kỹ trị - dự báo tương lai bằng phương án “thiên đường công nghệ”.

Kỹ trị là phương án quản trị xã hội xuất hiện trong lịch sử. Phương án này đề cao việc điều hành xã hội bằng tri thức khoa học hay kỹ thuật. Thuyết này không trực tiếp chống lại cách tiếp cận hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác nhưng tạo ra cách tiếp cận trong phê phán quan niệm về lịch sử của những người mácxít. Bell nhà kỹ trị - người quan niệm rằng chủ nghĩa Mác là “cảnh bên của lịch sử”. Mô hình của Bell là “xã hội hậu công nghiệp” thể hiện trên ba trụ cột là dịch vụ, khoa học và giới tinh hoa quản trị xã hội. Khi nhận xét về vai trò sự báo tương lai của chủ nghĩa duy vật lịch sử, Bell cho rằng: “Lịch sử đã làm đảo lộn lời tiên tri của Mác, chỉ ít là ở phương Tây. Quy luật về sự bần cùng hóa của công nhân bị bác bỏ bởi sự tiến bộ vượt bậc của công nghệ. Công đoàn bắt đầu cải thiện đời sống công nhân một cách tốt hơn, và, trong các cuộc đấu tranh chính trị sau này, công nhân nhận thấy rằng có thể duy trì trật tự không phải bằng cách mạng xã hội mà bằng cách chấp nhận một vị trí xã hội”²⁷. Về A. Toffler (1928-2016) - nhà tương lai học theo khuynh hướng kỹ trị, từng đứng trên

lập trường mácxít. Về sau, ông cho rằng, các luận giải của chủ nghĩa Mác chỉ là “một phần, một mặt và đã lỗi thời”²⁸. Năm 1980, ông công bố tác phẩm *Lần sóng thứ ba*. Ba lần sóng văn minh nông nghiệp, công nghiệp, hậu công nghiệp được đưa ra như một phương án phân kỳ lịch sử. Tư tưởng này lấy góc nhìn kinh tế - kỹ thuật để xem xét lịch sử xã hội loài người. Kỹ trị tham gia vào giải quyết vấn đề của lịch sử trên những nền tảng thế giới quan khác nhau. Mẫu số chung của các lý thuyết là đề cao một cách tuyệt đối vai trò của khoa học - kỹ thuật - công nghệ (thiên đường công nghệ), xã hội meritocracy (chế độ chính trị của những người có tài năng hay “tinh anh trị”), đề cao vai trò của trí thức, giới tinh hoa dẫn dắt lịch sử.

Không thể hoàn toàn phủ định những đóng góp của các nhà kỹ trị. Song, cần có thái độ nghiêm túc trong tranh luận với họ về vấn đề lịch sử và những quy luật phát triển chung nhất của lịch sử. Các nhà kỹ trị có những hạn chế cả về phương diện thực tiễn và lý luận. Về mặt thực tiễn, nếu xã hội chỉ có các chuyên gia, nhà khoa học thì những lực lượng xã hội trực tiếp sản xuất vật chất và lực lượng khác ở đâu? Mô hình của Platon (428/427-347 TCN) về nền chính trị “của các triết gia”, quan điểm F.Bacon (1561-1626) về xã hội mà quyền lực chính trị thuộc về nhà khoa học,... hiện chưa thành công? Tiếp cận lịch sử như vậy là xóa nhòa đi vai trò động lực của các giai cấp trong lịch sử - điều mà được các nhà kinh tế học và sử học trước C.Mác phát hiện và được C.Mác và Ph.Ăngghen luận giải một cách khoa học. Giới tinh hoa hay đội ngũ trí thức chưa bao giờ có sứ mệnh lịch sử, mặc dù việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của các giai cấp bao giờ cũng có công lao to lớn của giới tinh hoa. Cách tiếp cận kỹ trị đang là bài toán lịch sử chưa có đáp án khi quan

hệ sản xuất (sở hữu, quản lý, phân phối) vẫn tồn tại, quyết định phân công lao động mang tính chất đối kháng, phân hóa giai cấp, phân hóa giàu nghèo, áp bức dân tộc,... Về mặt lý luận, “đó cũng là kiểu đồ thức luận mang hình thức, với cách tiếp cận lịch sử - cụ thể ở bình diện toàn cầu”²⁹. Thuyết kỹ trị lựa chọn một khía cạnh của lịch sử và quy thành logic cả nhân loại, quy quy luật riêng thành quy luật chung. Do đó, rơi vào giới hạn tư duy một chiều, chủ quan, phiến diện khi xem xét logic chung của lịch sử.

Terry Eagleton trong cuốn sách phản biện 10 phê bình thường gặp nhất về tư tưởng của C.Mác đã ghi nhận những đóng góp triết học của ông. *Tại sao Mác đúng?* - của Eagleton yêu cầu tôn trọng đóng góp của C.Mác trong lịch sử, vì: “Ngay cả những nhà phê bình Mác một cách kiên quyết nhất cũng không phủ nhận rằng ông đã thay đổi hiểu biết của chúng ta về lịch sử loài người... Chủ nghĩa Mác, từ lâu đã là sự phê bình giàu có nhất về mặt lý thuyết, không khoan nhượng nhất về mặt chính trị của hệ thống tư bản chủ nghĩa, giờ đây đã bị xem xét một cách tự mãn là duy vật của quá khứ sơ khai”³⁰. *Mặt khác*, di sản của C.Mác là cơ sở đối chiếu phù hợp trong nghiên cứu về con người, xã hội nhằm tìm kiếm phẩm giá con người trong thế giới ngày nay. “Kho tàng đồ sộ, phong phú một cách lạ thường các tác phẩm của Mác, theo logic này là lý do đầy đủ để gắn bó với di sản của Mác. Sự tha hóa, “hàng hóa hóa”, đời sống xã hội, văn hóa tham lam, hiếu chiến, sự gia tăng chủ nghĩa khoái lạc vô tâm và thuyết hư vô, sự đổ máu không ngừng cho ý nghĩa và giá trị của tồn tại người: thật khó để tìm thấy một cuộc tranh luận thông minh về vấn đề này mà không có lòng biết ơn sâu sắc với truyền thống mácxít”³¹. Thật vậy, trong bối cảnh thế giới ngày nay đang đứng trước những diễn biến

rất nhanh chóng, phức tạp khó lường, khó đoán định thì những chỉ giáo của C.Mác vẫn còn sức sống mãnh liệt, có giá trị phổ biến với tư cách là một “lăng kính” khoa học, toàn diện, hệ thống về lịch sử xã hội.

3. Một số nguyên tắc cần quán triệt từ việc tìm hiểu di sản triết học Mác qua nghiên cứu cách tiếp cận và tư tưởng ngoài mácxít

Qua nghiên cứu quan điểm ngoài mácxít về di sản triết học của C.Mác, nhất thiết phải rút ra một số kết luận mang tính nguyên tắc trong kế thừa, vận dụng, phát triển triết học Mác ở Việt Nam. Với tinh thần: “Kiên định, vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời không ngừng bổ sung, phát triển sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam;... đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”³², có thể rút ra một số kết luận sau:

Thứ nhất, quán triệt sâu sắc quan điểm khách quan, toàn diện, phát triển, lịch sử - cụ thể, thực tiễn khi nghiên cứu các tư tưởng ngoài mácxít về di sản của C.Mác từ cách tiếp cận, luận giải, mục đích và thái độ tư tưởng. Đồng thời, mở rộng biên độ, chiều sâu trong nghiên cứu chủ nghĩa Mác phương Tây.

Thứ hai, nhận thức rõ và rút ra bài học tư tưởng từ hạn chế (tính biệt phái, phiến diện, chiết trung, siêu hình,...) của các tham chiếu, góc nhìn ngoài mácxít khi tiếp cận di sản của C.Mác. Nêu cao tinh thần khoa học, dân chủ,

cùng thái độ kiên quyết trong tranh luận, đấu tranh bảo vệ tính khoa học và cách mạng trong di sản triết học của C.Mác nói riêng và chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung.

Thứ ba, kiên định và tôn trọng truyền thống mácxít và luôn có thái độ “vượt lên truyền thống”, không ngừng tiếp thu tinh hoa tư tưởng của các dòng chảy triết học phương Tây hiện đại trong việc làm giàu thêm, làm sâu sắc hơn di sản triết học của C.Mác.

Thứ tư, trong nhận thức, vận dụng sáng tạo, phát triển di sản của triết học Mác vào thực tế cần chú ý “phân tích cụ thể một tình hình cụ thể”³³; cung cấp cho di sản ấy những chất liệu sống động, giàu có từ thực tiễn để nó luôn sống, không lạc hậu, chết cứng. Việc nhận thức, vận dụng di sản triết học của C.Mác cần tránh “đóng vai Mác để chống chủ nghĩa Mác”, biến

học thuyết khoa học, cách mạng thành phương tiện trục lợi của các cá nhân, các nhóm lợi ích.

4. Kết luận

Những tranh luận về di sản triết học của Mác có thể còn kéo dài trong thế giới hiện nay. Cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng ở Việt Nam hiện nay cần tiếp cận di sản triết học của C.Mác một cách vừa tôn trọng truyền thống vừa phát triển truyền thống phù hợp với thực tiễn. Qua khảo cứu di sản triết học của C.Mác từ cách tiếp cận ngoài mácxít có thể khẳng định chủ nghĩa nhân văn vì con người và quan điểm duy vật về lịch sử qua cách tiếp

Qua nghiên cứu quan điểm ngoài mácxít về di sản triết học của C.Mác, nhất thiết phải rút ra một số kết luận mang tính nguyên tắc trong kế thừa, vận dụng, phát triển triết học Mác ở Việt Nam. Với tinh thần: “Kiên định, vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời không ngừng bổ sung, phát triển sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.... đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng”.

cận hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác vẫn còn giá trị, sức sống mãnh liệt. Tư tưởng của Mác vẫn là “sự cứu thế mới”, sự khai sáng cho tương lai và Mác là “một vị thánh đã hy sinh cho giai cấp cùng khổ trên thế giới”³⁴. C.Mác là “Prometheus của thời đại” ❖

^{1,2,9} C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2000, tập 42, tr.167, 143, 182.

³ Trường phái Frankfurt là nhóm nghiên cứu thuộc Viện nghiên cứu xã hội, trường Đại học Frankfurt (Đức). Đại biểu tiêu biểu: M.Horkheimer, T.Ludwig, W.Adorno, H.Marcuse, E.Fromm, J.Habetmas,...

⁴ Michel Vadée: *Mác nhà tư tưởng của cái có thể*, Nxb Viện Thông tin Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996, tập 2, tr.310.

⁵ Lưu Phóng Đồng: *Triết học phương Tây hiện đại - Giáo trình hướng đến thế kỷ 21*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2004, tr.668-674.

⁶ Trần Nhật Minh: *Vấn đề con người trong tác phẩm Bản thảo kinh tế - triết học của C.Mác và ý nghĩa lịch sử*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2020, tr.162.

⁷ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1998, tập 34, tr.243.

⁸ Jean-Paul Sartre: *Thuyết hiện sinh là một thuyết nhân bản*, Nxb Tri thức, Hà Nội, 2018, tr.28.

¹⁰ Xem C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, tập 23, tr.21.

¹¹ Daniel Bensaid: *Mác người vượt trước thời đại*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1998, tr.37.

^{12,13} Michel Vadée: *Mác nhà tư tưởng của cái có thể*, Nxb Viện Thông tin Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996, tập 1, tr.116, 4.

^{14,30,31} Terry Eagleton. *Why Marx was Right*. Yale University Press, New Haven & London, 2011, p.xi (Preface).

¹⁵ Ý tưởng được đề xuất trong *The End of History?* (1989) và được phát triển trong cuốn sách *The End of History and the Last Man* (1992)

¹⁶ Francis Fukuyama: *The End of History?*, *The National Interest* (16), 1989, p.3-18.

^{17,29} Đinh Ngọc Thạch: *Triết học chính trị phương Tây hiện đại, giá trị và ý nghĩa*, Nxb Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, 2019, tr.297-298, 344.

^{18,19,20,21,22,23,24,25,26} Giaccô Đêrida: *Những bóng ma của Mác*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1994, tr.44, 172, 165 và 172 và 179, 165, 212, 77, 188-191, 78, 182-183, 119-120.

²⁷ Daniel Strand: *The end of ideology in the 1950s and the post-political world of the 1990s*, Stockholm University, 2016, p.147.

²⁸ Alvin Toffler: *Làn sóng thứ ba*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, 1992, tr.12.

³² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tập I, tr.40-41.

³³ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2005, tập 41, tr.164.

³⁴ Robert B.Down: *Những tác phẩm biến đổi thế giới*, Nxb Lao động, Hà Nội, 2003, tr.128.